TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 / 2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 22 /8/ 2023.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên K tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ,ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn 17, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn 17, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là anh Phạm Văn G trình bày: Anh và chị Phạm Thị H sau thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, không bị sự ép buộc nào, trước khi cưới anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2009 tại UBND xã K, huyện Y tỉnh Ninh Bình. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô H đi ngoại tình và anh bắt được, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau nhiều lần, do vậy đến tháng 01/2021 vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được. Do đó anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống đến nay anh và chị Phạm Thị H có hai người con chung là cháu Phạm Huy V, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 19/12/2012, hiện nay cả hai cháu đang do vợ chồng chăm sóc, nuôi

dưỡng. Nay ly hôn anh G đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được nuôi dưỡng hai con chung là cháu V và cháu C, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh G không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu V và cháu C cho anh. Về con riêng, anh và chị H không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh G xác định anh và chị H không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh G kết hôn hợp pháp vào ngày 13/3/2009, có làm thủ tục kết tại UBND xã K, huyện Y. Trong quá trình chung sống chị và anh G không rẩy ra mâu thuẫn gì, chỉ vì anh G có đi ngoại tình về hắt hủi mẹ con chị, mặc dù những khuyết điểm trên của anh G đã được gia đình bố mẹ đẻ anh G khuyên bảo nhưng anh G vẫn không sửa đổi mà ngày càng quá ra, thực tế hiện nay chị và anh G đang sống ly thân kể từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm của chị và anh G không còn nữa, nay anh G có đơn xin ly hôn chị, nhưng chị không nhất trí ly hôn với anh G do các con còn nhỏ và anh G bỏ rơi mẹ con chị nên chị không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị và anh G có hai người con chung là cháu Phạm Huy V, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 19/12/2012, hiện các cháu đang do chị nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và chị yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu V và cháu C hàng tháng cho chị với mức là 1.000.000 đồng cho mỗi cháu mỗi tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Về con riêng chị và anh G không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H xác định giữa chị và anh G không có tài sản chung. Về công nợ chị xác định giữa chị và anh G có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền 50.000.000 đồng, trong bản khai chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh G phải trả số tiền 50.000.000 đồng này cho chị, ngoài ra không còn nợ khoản nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn G xử cho ly hôn với chị Phạm Thị H. Về con: Giao cháu Phạm Huy V, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 19/12/2012, cho chị Phạm Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Phạm Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị H với mức là 1.000.000 đồng cho mỗi cháu mỗi tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Về tài sản: Anh G xác định không có và không có yêu cầu, còn chị H xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền 50.000.000 đồng và chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh G phải trả số tiền này cho chị. Nhưng chị không đến Tòa án làm thủ tục thụ lý về yêu cầu của chị, mặc dù Tòa án đã có văn bản yêu cầu nhưng chị không thực hiện, do vậy Tòa án không tiến

hành thụ lý yêu cầu của chị được, nên không đặt ra xem xét giải quyết giải quyết trong vụ án này mà dành quyền cho chị H khởi kiện bằng vụ án khác. Về án phí anh G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn G có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Thị H, có địa chỉ tại xã K, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H đã có thời gian tự do tìm hiểu, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2009 tại UBND xã K, huyện Y quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G cho rằng chị H có việc ngoại tình, còn chị H cũng cho rằng anh G đi ngoại tình rồi về hắt hủi mẹ con chị. Do vợ chồng không còn tin tưởng, luôn nghi ngờ nhau và sống không có hạnh phúc nên anh G và chị H đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian này anh G và chị H không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Căn cứ vào các tài liệu anh G xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa anh G và chị H đã sảy ra mâu thuẫn và anh G chị H hiện đang sống ly thân, trong quá trình chung sống cho đến năm 2020, thì anh G và chị H luôn nghi ngờ lẫn nhau về việc có quan hệ nam nữ do vậy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nên anh G, chị H đã sống ly thân kể từ năm 2021 cho đến nay và vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Bản thân chị H cũng thừa nhận việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2019, song chỉ vì con còn nhỏ nên chị không nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa chị H xác định anh G không còn quan tâm gì đến mẹ con chị nữa và chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn cùng với anh G. Do vậy xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh G và chị H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh G, giải quyết để anh G được ly hôn với chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh G và chị H cho đến nay có có hai người con chung là cháu Phạm Huy V, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Phạm Thảo C, sinh ngày 19/12/2012, hiện các cháu đang do chị H nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh G có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và anh không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh. Chị H cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và chị yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng tiền nuôi hai con cho chị với mức mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành dủ 18 tuổi, tự

lập được cuộc sống. Xét về nguyện vọng nuôi con của anh G và chị H là chính đáng, anh G và chị H đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Song quan điểm của cháu V và cháu C đều có nguyện vọng và nong muốn được ở với chị H, hiện tại các cháu đang có cuộc sống ăn học ổn định và lại ở gần nhà ông bà nội. Xét thấy tại phiên tòa anh G nhất trí theo nguyện vọng của hai cháu, để chị H được nuôi dưỡng hai con chung và anh nhất trí mức cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho chị H, mỗi cháu, mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi các cháu trưởng thành, do vậy cần giao cháu V và cháu C cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu V và cháu C hàng tháng cho chị H với mức 1.000.000 đồng cho mỗi cháu mỗi tháng là phù hợp với điều kiện cấp dưỡng của anh G và nguyện vọng của các cháu. Về con riêng anh G và chị H không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản**: Trong đơn khởi kiện và bản tự khai anh G xác định không có tài sản và công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bản thân chị H tại bản tự khai chị xác định không có tài sản và chị không có yêu cầu, song chị nêu ra có khoản nợ 50.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y và chị yêu cầu buộc anh G phải trả nợ cho chị số tiền này. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích và yêu cầu chị H đến Tòa án làm thủ tục thụ lý về yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ này và giao nộp tài liệu chứng cứ, nhưng chị H không đến Tòa án làm việc lần nào, mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, do chị H không đến Tòa án làm thủ tục thụ lý. Do đó yêu cầu của chị không được xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn chị H có yêu cầu thì chị có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] **Về án phí:** Anh G là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và nộp án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn G xin ly hôn chị Phạm Thị H.

- Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn G ly hôn chị Phạm Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Huy V, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 và Phạm Thảo C, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2012 cho chị Phạm Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Phạm Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu V và cháu C hàng tháng cho chị Phạm Thị H với mức là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi cháu mỗi tháng, kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến

khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn G có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền anh Phạm Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị H không có yêu cầu giải quyết tài sản. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình và nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005599 ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung